

Bản án số: 88/2026/HS-ST

Ngày 24-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phú

2. Ông Hồ Văn Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 164/2026/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 258/2026/HSST-QĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2026/HSST-QĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Võ Văn Đ**, sinh ngày 06-02-1975 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước số 051075005063; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Nông; con ông Võ P (chết) và bà Huỳnh Thị L (chết); vợ là Bành Thị L1, có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14-5-2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, ngày 14-5-2021 nộp xong tiền phạt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-10-2025 đến ngày 05-12-2025 áp dụng biện pháp cho bảo lãnh, đến ngày 03-4-2026 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. **Nguyễn Minh V**, sinh ngày 05-4-1976 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước số 051076015871; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Nông; con ông Nguyễn Tấn C (chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ là Nguyễn Thị K, có 02 con sinh năm 2005 và 2008; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14-5-2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt

1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, ngày 14-5-2021 nộp xong tiền phạt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-10-2025 đến ngày 05-12-2025 áp dụng biện pháp cho bảo lãnh, đến ngày 03-4-2026 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

3. **Phan Thị T1**, sinh ngày 02-8-1978 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước số 051178007407; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Nông; con ông Phan Long N (chết) và bà Trần Thị S (chết); chồng là Nguyễn Ngọc C1, có 02 con sinh năm 1999 và 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-10-2025 đến ngày 14-11-2025 áp dụng biện pháp cho bảo lãnh, đến ngày 03-4-2026 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

4. **Đoàn Thanh D**, sinh ngày 06-01-1976 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước số 051076012977; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Nông; con ông Đoàn Văn M và bà Hồ Thị P1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-10-2025 đến ngày 30-10-2025 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

5. **Võ Thị L2**, sinh ngày 01-01-1965 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước số 051159008825; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Nông; con ông Võ C2 (chết) và bà Phạm Thị N1 (chết); chồng là Trương T2, có 05 con lớn nhất sinh năm 1987 nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-10-2025 đến ngày 30-10-2025 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

6. **Nguyễn Ngọc V1**, sinh ngày 02-02-1967 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước số 051067012915; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Nông; con ông Nguyễn Đ1 (chết) và bà Lê Thị Đ2 (chết); vợ là Phạm Thị T3, có 05 con lớn nhất sinh năm 1982 và nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-10-2025 đến ngày 30-10-2025 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

7. **Nguyễn Khắc V2**, sinh ngày 12-02-1985 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước số 051085011222 cấp ngày 20-02-2025; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Nguyễn Ngọc N2 và bà Trần Thị X; vợ là Huỳnh Thị L3, có 02 con sinh năm 2010 và 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-10-2025 đến ngày 30-10-2025 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

8. **Đỗ Văn T4**, sinh ngày 08-8-1974 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; căn cước số 051074008518 cấp ngày 14-8-2021; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Nông; con ông Đỗ N3 (chết) và bà Phan Thị L4 (chết); vợ là

Trần Thị Đ3, có 03 con lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30-10-2025 cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn Đ: Ông Trần Việt N4, sinh năm 1985 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Trương T2, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Xóm C, thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà Trần Thị Đ3, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 ngày 20/10/2025, Nguyễn Minh V đến nhà Đỗ Văn T4 chơi (nhà của Đỗ Thanh T5 bán tạp hóa và nước giải khát, đặt tên quán là Cô K1). Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày, Nguyễn Minh V điện thoại cho Nguyễn Khắc V2 đến nhà Đỗ Văn T4 để uống cà phê. Khi Nguyễn Khắc V2 đến nhà Đỗ Văn T4 thì gặp Nguyễn Minh V và Phan Thị T1 đi mua mì tôm. Tại đây, Nguyễn Minh V, Phan Thị T1 và Nguyễn Khắc V2 rủ nhau đánh bài cào tố ăn thua bằng tiền. Cả ba người đi vào phòng ngủ của Đỗ Văn T4 (phòng bên hông ngôi nhà, có cửa ra vào bằng tôn), Nguyễn Khắc V2 lấy 01 (một) chiếc chiếu nhựa và 01 (một) cái mền từ trên giường của Đỗ Văn T4 trải xuống nền nhà, lấy 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng, viền xanh từ thùng gạo tại góc phòng đặt chính giữa chiếu và mền; Nguyễn Minh V nói với T4 “cho bộ bài, đánh nhỏ chơi” thì Đỗ Văn T4 lấy bộ bài Tây 52 lá đặt vào chiếc đĩa đã để sẵn trên tấm mền trong phòng ngủ của Đỗ Văn T4. Sau đó, Nguyễn Minh V, Nguyễn Khắc V2, Phan Thị T1 cùng nhau đánh bạc bằng hình thức “Cào tố”.

Hình thức đánh bạc như sau: các bị cáo sử dụng bộ bài Tây gồm 52 lá chia làm 04 nước là cơ, rô, chuồn, bích và các lá bài A, K, Q, J, 10, 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2 để trên một chiếc đĩa màu trắng, viền xanh. Người tham gia chơi sẽ bốc bài lần lượt trong đĩa, khi chia mỗi người 01 (một) lá bài, sau đó, mỗi người lật lá bài ra, người nào có lá bài lớn nhất (lá 2 nhỏ nhất, lá A là lớn nhất, mỗi lá thì quân Cơ lớn nhất, nhỏ dần theo thứ tự quân rô, chuồn, bích). Người có lá bài lớn nhất có quyền “tố” 10.000 đồng (mười nghìn đồng) nghĩa là đặt vào giữa chiếu bạc 10.000 đồng. Những người trong sòng bạc ai “theo” thì đặt vào 10.000 đồng vào giữa chiếu bạc, không “theo” thì úp bài lại, người “theo” có quyền “tố thêm” tiền và mức tiền “tố” tối đa là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Nếu không ai “theo” ngoài người đầu tiên “tố” thì người đó chia bài lại. Nếu có từ 01 (một) người “theo” và kết thúc việc “tố thêm” thì người “tố” đầu tiên rút lá thứ hai, nếu được chia bài thứ 2 (hai) không “theo” thì người được chia bài theo thứ tự lần lượt từ thứ 3 đến thứ 6 mà “theo” sẽ rút lá bài thứ 2 và úp lại. Sau đó, người có quyền “tố” đầu tiên sẽ tiếp tục “tố” với giá trị từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng. Người nào “theo” và “tố thêm”

thì đặt tiền vào giữa chiếu bạc, người nào không “theo” thì sẽ úp bài lại và mất số tiền đã đặt vào trước đó, nếu không ai “theo” ngoài người “tổ” thì người “tổ” sẽ được lấy toàn bộ số tiền đã “tổ” trên chiếu bạc. Nếu có người tiếp tục “theo” và kết thúc việc “tổ thêm” thì người “tổ” đầu tiên sẽ tiếp tục rút lá bài thứ ba và sau đó lật bài ra. Các người “theo” tiếp theo sẽ rút lá bài thứ ba theo thứ tự chia bài và cũng lật bài ra. Sau khi lật lá bài thứ ba thì người nào có 02 (hai) lá bài đã lật lớn nhất thì có quyền “tổ” với giá trị từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng. Nếu có ít nhất từ 02 (hai) người “theo” thì tất cả sẽ tiến hành lật các lá bài. Người nào có tổng giá trị 03 (ba) lá bài lớn nhất sẽ được lấy toàn bộ số tiền đã “tổ” của các người chơi trên sòng bạc. Quy ước về việc thắng thua như sau: Tổng giá trị 03 (ba) quân bài lớn nhất được tính như sau: Ba lá bài cùng quân là lớn nhất tính từ lá A giảm dần đến lá 2 (ba lá A là lớn nhất, ba lá 2 là nhỏ nhất); Ba lá liên kề nhau là lớn thứ 2 tính giảm dần từ lá K đến lá A (ba lá JQK là lớn nhất; ba lá A23 là nhỏ nhất); nếu không nằm trong 02 trường hợp trên thì tính điểm 03 quân bài, điểm lớn nhất là 9, điểm nhỏ nhất là 0 (nếu là lá bài 10, J, Q, K thì mỗi lá tính 0 điểm, lá A tính 01 điểm) Trước khi đánh bạc, quy ước mỗi người tham gia phải bỏ ra 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) gọi là tiền “tẩy”. Số tiền tối đa được “tổ” trong mỗi ván bài là hết số tiền “tẩy” ban đầu là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, Võ Văn Đ đi đến quán của Đỗ Văn T4 thì thấy Nguyễn Minh V, Nguyễn Khắc V2, Phan Thị T1 đang chơi đánh bạc tại phòng ngủ của ông Đỗ Văn T4. Võ Văn Đ thấy vậy nên uống nước phía ngoài sân. Khoảng 13 giờ 50 cùng ngày, Võ Thị L2 và Nguyễn Ngọc V1 cũng đến. Sau đó, Võ Văn Đ, Võ Thị L2 và Nguyễn Ngọc V1 cùng tham gia đánh bạc với Nguyễn Minh V, Nguyễn Khắc V2, Phan Thị T1. Đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, Đoàn Thanh D đến nhà Đỗ Văn T4 để chơi thì thấy Nguyễn Minh V, Nguyễn Khắc V2, Phan Thị T1, Võ Văn Đ, Võ Thị L2 và Nguyễn Ngọc V1 đang đánh bạc nên Đoàn Thanh D vào tham gia đánh bạc với số đối tượng trên. Trong quá trình đánh bạc thì Đỗ Văn T4 đem thêm 01 (một) bộ bài Tây 52 lá cho các đối tượng đánh bạc, các đối tượng đánh bạc bỏ tiền vào trong hủ nhựa để trả cho Đỗ Văn T4.

Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, khi Nguyễn Ngọc V1, Võ Văn Đ, Nguyễn Minh V, Đoàn Thanh D, Nguyễn Khắc V2, Phan Thị T1 và Võ Thị L2 đang đánh bạc thì bị Công an xã B phát hiện bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm:

- Tiền Ngân hàng N5: 12.816.000 đồng, gồm: 5.330.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và 7.366.000 thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc (trong đó có 25.000 đồng của bị can Nguyễn Khắc V2 không dùng vào việc đánh bạc) và 120.000 đồng tiền xu bỏ trong hủ nhựa trong suốt.
- 104 (một trăm lẻ bốn) lá bài tây đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng viền xanh được sử dụng vào việc đánh bạc; 01 (một) chiếc chiếu nhựa; 01 (một) cái mền; 01 (một) cái hủ nhựa trong suốt hình trụ.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSQN-KV ngày 27 tháng 3 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Võ Văn Đ, Nguyễn

Minh V, Phan Thị T1, Đoàn Thanh D, Võ Thị L2, Nguyễn Ngọc V1, Nguyễn Khắc V2, Đỗ Văn T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Võ Văn Đ, Nguyễn Minh V, Phan Thị T1, Đoàn Thanh D, Võ Thị L2, Nguyễn Ngọc V1, Nguyễn Khắc V2, Đỗ Văn T4 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về điều luật áp dụng, mức hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 47; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V số tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Đoàn Thanh D số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Phan Thị T1 số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Võ Thị L2 số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 47; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc V2 số tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V1 số tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T4 số tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s, p khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 47; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ số tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

3. Về vật chứng:

- Đối với 12.816.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang, kết quả điều tra xác định 25.000 đồng thu giữ trên người của Nguyễn Khắc V2 không dùng vào việc đánh bạc nhưng tại phiên tòa V2 không có yêu cầu nhận lại nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, còn lại 12.791.000 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 104 lá bài tây đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng viền xanh được sử dụng vào việc đánh bạc; 01 (một) chiếc chiếu nhựa; 01 (một) cái mền; 01 (một) cái hủ nhựa trong suốt hình trụ. Đây là dụng cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

4. Về các đối tượng có liên quan:

- Đối với ông Trương T2, Cơ quan điều tra xác định: Ông T2 là chồng của bị cáo Võ Thị L2, khi ông T2 đến quán tạp Hóa Cô K1 gọi bị cáo L2 về nấu cơm thì thấy các bị cáo đánh bạc, cùng lúc đó thì Công an vào bắt quả tang nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trương T2.

- Đối với bà Trần Thị Đ3, Cơ quan điều tra xác định: Bà Đ3 là vợ bị cáo Đỗ Văn T4, trong thời gian các bị cáo đánh bạc tại nhà thì bà Đ3 không có mặt tại nhà nên không biết và bà Đ3 không hưởng lợi gì từ việc đánh bạc nên bà Đ3 không phạm tội “Đánh bạc”, “Gá bạc hoặc Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điều 321, Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đ: Thống nhất với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, loại hình phạt, tuy nhiên bị cáo Đ là người khuyết tật nặng, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhận trợ cấp hằng tháng từ nhà nước nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ, áp dụng hình phạt ở mức khởi điểm là 20.000.000 đồng, đồng thời miễn tiền án phí hình sự cho bị cáo Đ.

Bị cáo Đ thống nhất với nội dung bào chữa của người bào chữa, bị cáo Đ không có ý kiến tranh luận bổ sung. Các bị cáo khác và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Nhằm mục đích thu tiền tiêu, ngày 20/10/2025 bị cáo Đỗ Văn T4 đồng ý cho các bị cáo Nguyễn Minh V, Nguyễn Khắc V2, Phan Thị T1, Võ Thị L2, Nguyễn Ngọc V1, Đoàn Thanh D, Võ Văn Đ đánh bạc dưới hình thức đánh bài “cào tó” thắng thua bằng tiền tại nhà của Đỗ Văn T4 ở thôn P, xã B với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là **12.791.000 đồng**. Do đó, Viện kiểm sát truy tố Nguyễn Ngọc V1, Võ Văn Đ, Nguyễn Minh V, Đoàn Thanh D, Nguyễn Khắc V2, Phan Thị T1, Võ Thị L2, Đỗ Văn T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra đến tại phiên tòa các

bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho tất cả 8 bị cáo. Ngoài ra bị cáo V2 và T4 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bị cáo V1 có cha Nguyễn Đ1 là người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Đ là người khuyết tật nặng nên áp dụng thêm điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Đây là vụ án đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn, bị cáo T4 là người cho mượn địa điểm, chuẩn bị dụng cụ, các bị cáo khác là người thực hành, số tiền dùng đánh bạc của từng bị cáo như sau: Đông 4.210.000 đồng, V 3.500.000 đồng, D 2.621.000 đồng, T1 760.000 đồng, bị cáo V1 700.000 đồng, V2 500.000 đồng, L2 500.000 đồng. Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, số tiền dùng đánh bạc, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền các bị cáo đánh bạc không lớn nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội áp dụng hình phạt tiền cũng đảm bảo đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm.

[6] Về vật chứng:

[6.1] Đối với 12.816.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang, kết quả điều tra xác định 25.000 đồng thu giữ trên người của Nguyễn Khắc V2 không dùng vào việc đánh bạc nhưng tại phiên tòa bị cáo V2 không có yêu cầu nhận lại nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, 12.791.000 đồng còn lại là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6.2] Đối với 104 lá bài tây đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng viền xanh được sử dụng vào việc đánh bạc; 01 (một) chiếc chiếu nhựa; 01 (một) cái mền; 01 (một) cái hủ nhựa trong suốt hình trụ. Đây là dụng cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về các đối tượng có liên quan:

[7.1] Đối với ông Trương T2, kết quả điều tra Cơ quan điều tra xác định: Ông T2 là chồng của bị cáo Võ Thị L2, khi ông T2 đến quán tạp Hóa Cô K1 gọi bị cáo L2 về nấu cơm thì thấy các bị cáo đánh bạc, cùng lúc đó thì Công an vào bắt quả tang nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trương Tải .

[7.2] Đối với bà Trần Thị Đ3, kết quả điều tra Cơ quan điều tra xác định: Bà Đ3 là vợ bị cáo Đỗ Văn T4, trong thời gian các bị cáo đánh bạc tại nhà thì bà Đ3 không có mặt tại nhà nên không biết và bà Đ3 không hưởng lợi gì từ việc đánh bạc nên bà Đ3 không phạm tội “Đánh bạc”, “Gá bạc hoặc Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điều 321, Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng, loại hình phạt và mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc V1, Đoàn Thanh D, Phan Thị T1 và Nguyễn Khắc V2 phù

hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Riêng về mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Minh V, Võ Thị L2, Đỗ Văn T4, Võ Văn Đ4, Hội đồng xét xử thấy rằng, số tiền các bị cáo đánh bạc không lớn, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, xử dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Đ về mức hình phạt không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[9] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo Đ là người khuyết tật nặng và bị cáo L2 là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 47; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Minh V, Đoàn Thanh D, Phan Thị T1 và Võ Thị L2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh V số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Đoàn Thanh D số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Phan Thị T1 số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Võ Thị L2 số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 47; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Ngọc V1, Đỗ Văn T4 và Nguyễn Khắc V2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T4 số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc V2 số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V1 số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s, p khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 47; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Võ Văn Đ số tiền từ 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tiếp tục tạm giữ số tiền 25.000 đồng (hai mươi lăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Khắc V2 để đảm bảo thi hành án và tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 12.791.000 đồng (*mười hai triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn đồng*) - Số tiền 12.816.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra đã nộp vào tài khoản số 3949.0.1054192.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực XV – Phòng nghiệp vụ 2 theo giấy ủy nhiệm chi ngày 25-5-2026).

2.2. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 104 (một trăm lẻ bốn) lá bài tây đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng viền xanh; 01 (một) chiếc chiếu nhựa; 01 (một) cái mền; 01 (một) cái hủ nhựa trong suốt hình trụ.

Vật chứng nêu trên có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 25-5-2026 giữa Công an tỉnh Q với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Quảng Ngãi.

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3.1. Buộc các bị cáo Nguyễn Minh V, Nguyễn Ngọc V1, Đoàn Thanh D, Phan Thị T1, Nguyễn Khắc V2 và Đỗ Văn T4, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3.2. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Võ Văn Đ và bị cáo Võ Thị L2.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- CA tỉnh Quảng Ngãi (PC02, PV06);
- VKSND khu vực 2;
- Phòng THADS khu vực 2;
- UBND xã Bình Minh (thay thông báo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh

